TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2018
V/v ly hôn giữa chị H và anh H.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Ông Lê Anh Khoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 713/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về *việc"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>*:* Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: 206/186/21/8 T.P, phường C, quận N, thành phố C.

* <u>*Bị đơn*</u>: Anh **Vũ Đình H**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

ĐKTT: xã H, huyện N, tỉnh H.

Tạm trú: 196/1E P.N.L, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-4-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Vũ Đình H tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố C vào ngày 09-7-2009, giấy đăng ký số 122/KH/2009, quyển số 01. Anh chị sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Gia Hân (nữ) sinh ngày 07-5-2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 18-12-2017 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Vũ Đình H trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn giống như chị H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giống như chị H trình bày, anh thấy mâu thuẫn chưa trầm trọng, anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Vũ Ngọc Gia Hân (nữ) sinh ngày 07-5-2010. Nếu như phải ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, xác định tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải

quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn không tuân thủ theo quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa chị H và anh H do anh H thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tại phiên toà hôm nay ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng cũng không đến chứng tỏ ông H không còn tha thiết hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Vũ Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp: Chị H, anh H tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố C vào ngày 09-7-2009 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp, khi có tranh chấp sẽ do Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh và do anh H đang sinh sống tại địa bàn quận Ninh Kiều nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Về hôn nhân: Mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên cờ bạc và không quan tâm đến vợ con. Cuộc sống chung giữa anh chị không còn hạnh phúc, đã sống ly thân hơn 01 năm nay nên chị H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án cũng có công văn gửi địa phương để xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, việc chăm sóc, nuôi dạy cháu Hân nhưng địa phương không cung cấp được thông tin do chị H, anh H không còn sinh sống tại địa phương. Tại biên bản hòa giải ngày 18-12-2017 và ngày 18-01-2018 anh H không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ. Sau khi Tòa án hòa giải, anh H vẫn không có tới lui chị H để hàn gắn tình cảm. Tòa án cũng đã dành nhiều thời giA giải đoàn tụ nhưng không có kết quả chị H

vẫn kiên quyết ly hôn. Thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đã có thời gian ly thân hơn 01 năm, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị H và anh H có 01 con chung. Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được nuôi cháu Hân, anh H cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Hân. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18-01-2018 cháu Hân có nguyện vọng được ở với anh H nhưng theo lời trình bày của chị H thì hiện tại cháu Hân vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hân có chứng bệnh chậm phát triển trí não, cháu Hân có bị bệnh và cháu Hân vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Hân bị bệnh chậm phát triển trí não, cháu Hân là bé gái và hiện tại vẫn đang sống với chị H nên thiết nghĩ chị H tiếp tục được nuôi bé sẽ phù hợp hơn. Do đó, để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị H theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị H xác định không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Xét trình bày của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Vũ Đình H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Vũ Ngọc Gia Hân (nữ) sinh ngày 07-5-2010 cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho anh H không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Hân các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 008875 ngày 22-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C, chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
-UBND phường Cái Khế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Tuyết Phương